

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật
của HĐND, UBND tỉnh năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 27/TTr-STP ngày 23/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh năm 2020, cụ thể:

1. Tổng văn bản được rà soát: **422** văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh (136 nghị quyết, 283 quyết định, 02 chỉ thị); trong đó, **79** văn bản hết hiệu lực toàn bộ, **343** văn bản còn hiệu lực (bao gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần và văn bản cần xử lý qua rà soát), được lập thành 04 danh mục, gồm:

a) Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ sau rà soát năm 2020: 79 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (33 nghị quyết, 46 quyết định) do đã được

thay thế, sửa đổi, bãi bỏ bởi văn bản khác hoặc hết thời hạn thực hiện quy định tại văn bản; 0 văn bản ngưng hiệu lực toàn bộ. Trong đó, có 75 văn bản đã được công bố hết hiệu lực tại Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 28/01/2021.

b) Danh mục văn bản còn hiệu lực sau rà soát năm 2020: 343 văn bản (*104 nghị quyết, 237 quyết định, 02 chỉ thị*).

c) Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần: 11 văn bản hết hiệu lực một phần (*01 nghị quyết, 10 quyết định*) do phần nội dung đó đã được thay thế, sửa đổi, bãi bỏ bởi văn bản khác hoặc hết thời hạn thực hiện tại văn bản; 01 quyết định ngưng hiệu lực một phần. Trong đó, có 09 văn bản hết hiệu lực một phần và 01 văn bản ngưng hiệu lực 01 phần đã được công bố tại Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 28/01/2021.

d) Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới, đánh giá, tổng kết, xác định phương hướng thực hiện: 78 văn bản (*18 nghị quyết, 60 quyết định*).

2. Các văn bản này được đăng tải tại Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật tỉnh Đắk Lắk (<http://vbpl.vn/daklak>).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đăng tải kết quả rà soát

a) Chánh Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc đăng tải kết quả rà soát trên Công báo của UBND tỉnh.

b) Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo đăng tải kết quả rà soát trên Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật tỉnh Đắk Lắk, Trang tin điện tử Sở Tư pháp theo quy định.

2. Đối với các văn bản tại Danh mục văn bản cần ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới, đánh giá, tổng kết, xác định phương hướng thực hiện tại Điểm d Khoản 1 Điều 1

a) Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, tham mưu UBND tỉnh bãi bỏ đối với những văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xử lý đối với những văn bản do HĐND tỉnh ban hành theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn:

- Khẩn trương soạn thảo, tham mưu UBND tỉnh ban hành, trình HĐND tỉnh ban hành đối với những văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc Danh mục này trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao phù hợp quy định hiện hành trong năm 2021.

- Khẩn trương tổng kết, đánh giá đối với những văn bản cần xem xét lại việc thực hiện để tham mưu UBND, đề nghị HĐND tỉnh ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo thẩm quyền (nếu cần).

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp cùng Chánh Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan ở tỉnh; Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tư pháp;
 - TT. Tỉnh ủy
 - TT. HĐND tỉnh;
- } (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - UBMTTQVN tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành của tỉnh;
 - HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
 - HĐND, UBND các xã, P, TT (giao UBND cấp huyện thuộc địa bàn sao gửi);
 - Báo Đắk Lắk (để đăng báo);
 - Đài PT-TH tỉnh;
 - Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
 - LĐ VP.UBND tỉnh;
 - Các phòng chuyên môn thuộc VP;
 - Trung tâm TT&CB (đăng tải)
 - Lưu VT, NC (N_32).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

DANH MỤC**Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh cần ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ qua rà soát năm 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

| TT | TÊN LOẠI | SỐ, KÝ HIỆU | NGÀY BAN HÀNH | TÊN GỌI | HÌNH THỨC XỬ LÝ | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | GHI CHÚ |
|----------------------------------|------------|-----------------|---------------|--|---|---|--------------------|
| Lĩnh vực Công thương | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 14/2012/QĐ-UBND | 25/5/2012 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> cho phù hợp với quy định hiện hành tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP | Giao Sở Công thương chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã trình UBND tỉnh |
| 02 | Quyết định | 36/2016/QĐ-UBND | 18/11/2016 | Ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khi Quy hoạch tỉnh được ban hành, cần bãi bỏ (Điều 4 ban Quy định về quy hoạch chợ do được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định tại Luật Quy hoạch. | Giao Sở Công thương phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh | |
| 03 | Quyết định | 01/2018/QĐ-UBND | 15/01/2018 | Ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung</i> , vì theo Quyết định 34/2018/QĐ-TTg thì Cục Quản lý thị trường tỉnh là đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương), không còn là đơn vị trực thuộc Sở Công thương. Tuy nhiên, theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND thì Sở Công thương chỉ là thành viên Ban Chỉ đạo 389 của tỉnh, còn Thường trực Ban Chỉ đạo 389 là Cục Quản lý thị trường tỉnh | Giao Sở Công thương chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| Lĩnh vực Giáo dục Đào tạo | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 18/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016 - 2017 và mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các trường công lập trực thuộc tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến hết năm học 2020 - 2021 | Hết năm học 2020 - 2021 (tháng 5/2021), Quy định này sẽ hết hiệu lực thi hành. Do đó, <i>trong năm 2021, cần xây dựng Nghị quyết mới</i> để thực hiện trong các năm học của giai đoạn tiếp theo | Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| Lĩnh vực Giao thông vận tải | | | | | | | |
|-----------------------------|------------|-----------------|------------|--|--|---|--|
| 01 | Quyết định | 11/2014/QĐ-UBND | 27/5/2014 | Ban hành Quy định giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , cho phù hợp với đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công hiện nay | Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 02 | Quyết định | 27/2015/QĐ-UBND | 18/9/2015 | Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Thay thế</i> , vì quy định về quản lý, khai thác, bảo trì công trình đường bộ hiện hành được thực hiện theo Thông tư 37/2018/TT-BTGVТ dẫn đến nhiều nội dung trong Quy định không còn phù hợp | Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã đề nghị xây dựng văn bản |
| 03 | Quyết định | 46/2015/QĐ-UBND | 16/12/2015 | Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn và cầu trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , vì Thông tư 39/2011/TT-BTGVТ đã được thay thế bởi Thông tư 50/2015/TT-BTGVТ (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 35/2017/TT-BTGVТ); các Thông tư 52/2013/TT-BTGVТ và Thông tư 20/2014/TT-BTGVТ đã được thay thế bởi Thông tư 37/2018/TT-BTGVТ dẫn đến nội dung không còn phù hợp | Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã đề nghị xây dựng văn bản |
| Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 16/2011/QĐ-UBND | 11/7/2011 | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , vì Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 23/10/2009 đã được thay thế bằng Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020. Theo khoản 5 Điều 33 Nghị định 80/2020/NĐ-CP thì UBND tỉnh "Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ trong nội bộ cơ quan trên cơ sở quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan". | Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 02 | Quyết định | 05/2016/QĐ-UBND | 22/02/2016 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh | <i>Cần sửa đổi, bổ sung</i> cho phù hợp với Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 về việc hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã | Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh | Đang lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo |
| 03 | Quyết định | 32/2016/QĐ-UBND | 07/10/2016 | Ban hành Quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> cho hợp với quy định hiện hành về đầu tư | Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Văn bản đang tạm dừng, tiếp tục tham mưu khi có đủ cơ sở pháp lý |

| Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội | | | | | | | |
|---|------------|------------------|------------|--|--|--|--|
| 01 | Quyết định | 54/2005/QĐ-UBND | 09/9/2005 | Ban hành Quy định hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 118/1996/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ | <i>Cần thay thế</i> , cho phù hợp quy định hiện hành và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh | Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã trình UBND tỉnh |
| 02 | Nghị quyết | 105/2013/NQ-HĐND | 20/12/2013 | Về Công tác viên kiêm nhiệm bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , cho phù hợp quy định hiện hành và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh | Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh | Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch đang đề nghị xây dựng Nghị quyết Công tác viên dân số, gia đình và trẻ em |
| 03 | Quyết định | 16/2020/QĐ-UBND | 19/5/2020 | Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Mặc dù hiện nay Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 22/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020. Tuy nhiên, tại Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021) vẫn giao UBND tỉnh xây dựng, ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật của các ngành, nghề đào tạo theo thẩm quyền. | Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội rà soát lại Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND và đề xuất biện pháp xử lý | |
| Lĩnh vực Nội vụ | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 34/2010/QĐ-UBND | 16/11/2010 | Về việc giao số lượng cán bộ, công chức cho xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã và thành phố | <i>Cần thay thế</i> , vì số lượng này không còn phù hợp với định mức tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP (<i>cấp xã loại 1 tối đa 23 người thay vì 25, loại 2 tối đa 21 người thay vì 23, loại 3 tối đa 19 người thay vì 21</i>) | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã trình UBND tỉnh |
| 02 | Nghị quyết | 33/2010/NQ-HĐND | 10/12/2010 | Về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở. | <i>Cần thay thế</i> , vì theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phụ cấp và khoản kinh phí giảm, thuộc đối tượng bao hiểm bắt buộc; đối với thôn, buôn thì không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước..... Do đó, quy định tại Nghị quyết không còn phù hợp. Cần thực hiện đồng thời với Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đang xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy |

| | | | | | | | |
|----|------------|------------------|------------|--|---|--|--|
| 03 | Quyết định | 30/2012/QĐ-UBND | 07/8/2012 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , vì một số nội dung không còn phù hợp quy định pháp luật (theo Điều 6 Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ nhiệm kể toán trưởng đơn vị dự toán cấp I thuộc địa phương quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính, nội vụ nên không còn cơ sở để phân cấp; Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND không còn phù hợp với khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (dối tượng là công chức thu hẹp hơn so với Luật năm 2008);...). | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Cơ quan chuyên môn đề nghị kéo dài thời gian trình văn bản cho đến khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung Quy định số 22-QĐ/TU |
| 04 | Nghị quyết | 146/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở | <i>Cần thay thế</i> (đồng thời với thay thế Nghị quyết 33/2010/NQ-HĐND, Nghị quyết 14/2018/NQ-HĐND) | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đang xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| 05 | Quyết định | 05/2015/QĐ-UBND | 16/01/2015 | Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , vì nhiều nội dung về công tác văn thư của quyết định không còn phù hợp với Nghị định số 30/2020/NĐ-CP (quy định về nguyên tắc, trình tự quản lý văn bản; thể thức văn bản; nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan...). Ngoài ra, theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP có thêm nội dung về quản lý văn bản điện tử, hồ sơ điện tử, thiết bị lưu khóa bí mật | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 06 | Quyết định | 14/2016/QĐ-UBND | 31/3/2016 | Ban hành Quy định về xử lý kỷ luật cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần bãi bỏ</i> , vì nhiều nội dung của Quyết định không còn phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (sau bãi bỏ sẽ áp dụng trực tiếp văn bản Trung ương) | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|---|------------|-----------------|------------|--|---|---|---|
| 07 | Quyết định | 09/2018/QĐ-UBND | 16/4/2018 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , vì một số nội dung không còn phù hợp quy định pháp luật (theo Điều 6 Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ nhiệm kế toán trưởng đơn vị dự toán cấp I thuộc địa phương quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của tài chính, nội vụ - không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh nên không phân cấp được; Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND không còn phù hợp với khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (đối tượng là công chức thu hẹp hơn so với Luật năm 2008...) | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Cơ quan chuyên môn đề nghị kéo dài thời gian trình Quyết định cho đến khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy sửa đổi, bổ sung Quy định số 22-QĐ/TU |
| 08 | Nghị quyết | 14/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND, ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về quy định về chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở | <i>Cần thay thế</i> (đồng thời với thay thế Nghị quyết 33/2010/NQ-HĐND) | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đang xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 22/2010/QĐ-UBND | 04/8/2010 | Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động Mạng lưới thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần bãi bỏ sau khi có nghị quyết của HĐND tỉnh về người hoạt động không chuyên trách cấp xã (trong đó có nhân viên thú y; kể từ ngày 01/7/2016 thì thẩm quyền thuộc HĐND tỉnh (theo Khoản 2, 3 Điều 6 Luật Thú y năm 2015; Điều 5 Nghị định 35/2016/NĐ-CP)</i> | Giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|--|--|--------------------|
| 02 | Nghị quyết | 41/2011/NQ-HĐND | 22/12/2011 | Về xây dựng Hệ thống khuyến nông viên cơ sở tỉnh Đắk Lắk | Hệ thống khuyến nông viên được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 10 Nghị định 02/2010/NĐ-CP nhưng hiện đã được thay thế bởi Nghị định 83/2018/NĐ-CP (hiệu lực từ ngày 10/7/2018). Trong Nghị định 83/2018/NĐ-CP không còn quy định tổ chức khuyến nông nói chung cũng như hệ thống khuyến nông viên cơ sở nói riêng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản đề nghị Bộ NN&PTNT làm rõ cơ sở pháp lý, mô hình tổ chức, thẩm quyền quy định đối với hệ thống khuyến nông viên cơ sở để xác định tiếp tục duy trì như hiện nay hay có sự thay đổi nào không. Sau khi có ý kiến của Bộ, cần tham mưu UBND tỉnh phù hợp | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 03 | Nghị quyết | 78/2012/NQ-HĐND | 21/10/2012 | Về việc quy định một số chính sách bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung</i> cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đang tham mưu |
| 04 | Quyết định | 38/2013/QĐ-UBND | 17/12/2013 | Về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật một số cây trồng vật nuôi chính trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh | <i>Cần bãi bỏ</i> , hiện Sở NN&PTNT đang tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về nội dung này bằng hình thức cá biệt | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 05 | Quyết định | 13/2014/QĐ-UBND | 28/5/2014 | Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn Voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khi có Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND cần xem xét sự cần thiết sửa đổi, bổ sung | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 06 | Quyết định | 38/2014/QĐ-UBND | 06/11/2014 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> cho phù hợp quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã trình UBND tỉnh |

| | | | | | | | |
|--------------------|------------|------------------|------------|--|--|--|--|
| 07 | Nghị quyết | 141/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Về an toàn hồ chứa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Văn bản này nhằm rà soát, nâng cấp, đảm bảo an toàn các công trình hồ đập trên địa bàn tỉnh trong 02 giai đoạn (2015 - 2020 và 2021 - 2030) theo quy định về an toàn đập, hồ chứa tại các văn bản pháp luật trước đây. Tuy nhiên, hiện các quy định về an toàn đập, hồ chứa nước thực hiện theo Luật Thủy lợi 2017, Nghị định 114/2018/NĐ-CP và Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT nên các văn bản viện dẫn đều không còn phù hợp. Do đó, cần đánh giá lại các nội dung: Phân cấp quản lý, điều tiết hồ chứa, phương án bảo vệ, đầu tư, sửa chữa có cần điều chỉnh cho phù hợp quy định hiện hành. Nếu có, cần ban hành văn bản thay thế cho phù hợp (cần đánh giá đồng thời với đánh giá Nghị quyết 153/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 về phát triển thủy lợi trong vùng cả phê bền vững của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025 để đảm bảo thống nhất) | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 08 | Quyết định | 21/2016/QĐ-UBND | 18/5/2016 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh | <i>Cần thay thế</i> đồng thời với Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 09 | Quyết định | 43/2016/QĐ-UBND | 27/12/2016 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh | <i>Cần sửa đổi, bổ sung</i> (đồng thời với sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND) khi Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung | Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| Lĩnh vực Tài chính | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|-----------|--|--|--|--|
| 01 | Quyết định | 2604/2001/QĐ-UB | 31/8/2001 | Về việc quy định tỷ lệ quy đổi đá thương phẩm ra đá nguyên khai | <p><i>Cần bãi bỏ</i>, vì theo Điều 2, tỷ lệ này để làm cơ sở cho việc tính thuế tài nguyên, thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc tính thuế trên không còn áp dụng tỷ lệ quy đổi này, vì:</p> <p>1. Về tính thuế tài nguyên: Theo Điều 5 Thông tư 152/2015/TT-BTC thì trong xác định sản lượng tài nguyên tính thuế không cần tỷ lệ quy đổi này (<i>chỉ quy ra sản lượng của loại tài nguyên có sản lượng bán ra lớn nhất</i>)</p> <p>2. Về tính thuế VAT: Theo Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì giá tính thuế là giá bán.</p> <p>3. Về tính thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Điều 4 Thông tư số 78/2014/TT-BTC thì thu nhập tính thuế xác định trên cơ sở thu nhập, lỗ.</p> | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 02 | Nghị quyết | 15/2011/NQ-HĐND | 30/8/2011 | Về kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" trên địa bàn tỉnh | <p><i>Cần bãi bỏ</i> phần nội dung còn hiệu lực, vì theo khoản 1 Mục IV Thông tư liên tịch 02/2002/TTLT/BTC-MTTW (sửa đổi tại Điều 5 Thông tư 160/2010/TT-BTC); sau được thay thế bởi Thông tư liên tịch 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL (khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 8, Điều 6) và hiện thực hiện theo khoản 1 Điều 1, Điều 5 Thông tư 121/2017/TT-BTC thì kinh phí này được cơ quan liên quan các cấp dự toán trong kinh phí chi thường xuyên <u>hàng năm</u> trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Như vậy, hiện văn bản pháp luật Trung ương <i>không giao</i> HĐND tỉnh quy định định mức kinh phí "cứng" cấp hàng năm nên cần bãi bỏ phần văn bản hiện còn hiệu lực để thực hiện theo đúng quy định lập, chấp hành dự toán hàng năm tại Thông tư 121/2017/TT-BTC. (<i>thời điểm bãi bỏ: Khi tham mưu HĐND tỉnh thay thế Nghị quyết 09/2016/NQ-HĐND về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên, sẽ đưa nội dung này vào Nghị quyết mới và bãi bỏ văn bản này</i>)</p> | Giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|---|--|--|
| 03 | Quyết định | 08/2012/QĐ-UBND | 09/4/2012 | Ban hành Quy định nội dung và mức chi xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh | <p><i>(theo Thông tư 12/2010/TT-BTC (quy định về xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính))</i></p> <p>thì:</p> <p>1. Trong các nội dung chi liên quan đến quản lý, xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính (khoản 1 Điều 9) không còn nội dung chi bồi dưỡng làm thêm giờ, bồi dưỡng công tác kiểm nhiệm của cá nhân tham gia điều tra, quản lý, xử lý tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước <i>(trước có quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư 12/2010/TT-BTC)</i>.</p> <p>2. Theo khoản 4 Điều 9 thì việc thanh toán các khoản chi phí này được thực hiện theo mức chi thực tế hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc hoặc mức khoán; UBND tỉnh quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí này trên số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện để các cơ quan áp dụng <i>(theo khoản 2 Điều 9 về mức chi thì đối với các khoản chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định thì thực hiện theo quy định đó. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định thì Thủ trưởng cơ quan của người ra quyết định tịch thu quyết định trên cơ sở thực tế phát sinh và khả năng kinh phí thực hiện xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm về quyết định của mình)</i>. Do đó, cần xây dựng Quyết định về tỷ lệ khoán/tổng số tiền thu được để các cơ quan thực hiện và bãi bỏ Quyết định này cho phù hợp quy định tại Thông tư 173/2013/TT-BTC</p> | Giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 04 | Quyết định | 24/2013/QĐ-UBND | 07/10/2013 | Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Cần bãi bỏ , vì hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định 151/2017/NĐ-CP không quy định nội dung này. | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 05 | Quyết định | 34/2013/QĐ-UBND | 27/11/2013 | Về việc Quy định mức giá tính thuế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Cần bãi bỏ , vì Luật Thuế giá trị gia tăng năm 1999 đã bãi bỏ các quy định về thuế doanh thu trong các văn bản QPPL khác kể từ khi Luật có hiệu lực thi hành. Hiện cá nhân có tài sản cho thuê nói chung đều nộp thuế VAT và thuế thu nhập cá nhân tính trên doanh thu theo Điều 4 Thông tư 92/2015/TT-BTC (doanh thu tính thuế được xác định theo hợp đồng thuê, tỷ lệ tính thuế VAT là 5% và thuế TNCN 5%). Do đó, mức giá tính thuế này hiện không còn áp dụng. | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|--|------------|-----------------|------------|---|--|---|--------------------|
| 06 | Quyết định | 07/2016/QĐ-UBND | 08/3/2016 | Ban hành Quy định chung loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý | <i>Cần thay thế</i> , vì theo Nghị định 04/2019/NĐ-CP thì UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức (<i>đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá</i>) sử dụng xe ô tô chuyên dùng; riêng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì do người đứng đầu đơn vị quy định | Giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã trình UBND tỉnh |
| 07 | Nghị quyết | 09/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 | Nghị quyết này thực hiện đến hết năm 2020, được kéo dài đến hết năm 2021 tại Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND. Do đó, trong năm 2021, cần xây dựng định mức của giai đoạn tiếp theo khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương | Giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 54/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Đắk Lắk | Hết năm 2020, văn bản này hết hiệu lực thi hành (<i>theo Luật Quy hoạch 2017 thì không ban hành Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn tới</i>). Hiện UBND tỉnh đang trình Thủ tướng lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 (Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 11/6/2020) nên cần kéo dài đến khi Kế hoạch sử dụng đất 2021-2030 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 cấp huyện được phê duyệt (tiếp tục thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, bãi bỏ sau khi các quy hoạch được ban hành) | Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 02 | Quyết định | 25/2013/QĐ-UBND | 24/10/2013 | Về việc Quy định tỷ lệ quy đổi từ quặng khoáng sản không kim loại thành phẩm ra số lượng quặng khoáng sản không kim loại nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần rà soát</i> để xử lý cho phù hợp, vì các căn cứ pháp lý đều đã được thay thế, <i>cụ thể: Nghị quyết số 79/2012/NQ-HĐND thay thế bởi Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND; Pháp lệnh phí và lệ phí được thay thế bởi Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 74/2014/NĐ-CP được thay thế tại Nghị định số 12/2016/NĐ-CP, thay thế bởi Nghị định số 164/2016/NĐ-CP...</i> , đồng thời nội dung về quy đổi không còn phù hợp | Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|---|-----------------------------|
| 03 | Quyết định | 36/2014/QĐ-UBND | 17/10/2014 | Hạn mức giao đất ở; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao; kích thước, diện tích tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> cho phù hợp quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương | Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đã đề nghị xây dựng văn bản |
| 04 | Quyết định | 40/2016/QĐ-UBND | 01/12/2016 | Ban hành Quy định cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung</i> cho phù hợp quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương | Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh | Đang đánh giá |
| 05 | Nghị quyết | 25/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đắk Lắk | Hết năm 2020, văn bản này hết hiệu lực thi hành (theo Luật Quy hoạch 2017 thì không ban hành Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn tới). Hiện UBND tỉnh đang trình Thủ tướng lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 (Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 11/6/2020) nên cần kéo dài đến khi Kế hoạch sử dụng đất 2021-2030 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 cấp huyện được phê duyệt (tiếp tục thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, bãi bỏ sau khi các quy hoạch được ban hành) | Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 06 | Quyết định | 16/2018/QĐ-UBND | 17/7/2018 | Quy định Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> cho phù hợp quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương | Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| Lĩnh vực Thanh tra | | | | | | |
|---------------------------------|------------|-----------------|------------|---|--|---|
| 01 | Quyết định | 16/2016/QĐ-UBND | 05/4/2016 | Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần bãi bỏ</i> sau khi UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn chức danh công chức cấp phòng | Giao Thanh tra tỉnh phối hợp Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh |
| Lĩnh vực Thông tin truyền thông | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 39/2010/QĐ-UBND | 31/12/2010 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin | <i>Cần sửa đổi</i> , vì nội dung cơ bản là chức năng của cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật; nội dung tại Điều 7 không còn phù hợp (Cục Quản lý thị trường hiện trực thuộc Bộ Công thương, không thuộc quyền quản lý, chỉ đạo của Sở Công thương) | Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu UBND tỉnh |
| Lĩnh vực Tư pháp | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 20/2015/QĐ-UBND | 27/7/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh | Cần thay thế, vì nhiều nội dung của Quyết định không còn phù hợp với Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật (<i>quy định về xem xét, tình hình tuân thủ pháp luật không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP; quy định về xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP; quy định về kiểm tra tình hình theo dõi thi hành pháp luật không còn phù hợp với khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP...</i>) | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh |
| 02 | Quyết định | 49/2015/QĐ-UBND | 16/12/2015 | Ban hành Quy định tiêu chí, mức điểm và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Cần thay thế, vì nhiều nội dung không còn phù hợp với quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh <i>Đang thẩm định</i> |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|--|---|---|
| 03 | Quyết định | 68/2015/QĐ-UBND | 21/12/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> cho phù hợp với Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 25/02/2020 của Chính phủ về việc kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 04 | Quyết định | 33/2016/QĐ-UBND | 11/11/2016 | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | <i>Cần bãi bỏ</i> sau khi UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh công chức cấp phòng | Giao Sở Tư pháp phối hợp Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh | |
| 05 | Quyết định | 01/2017/QĐ-UBND | 16/01/2017 | Ban hành Quy định phối hợp trong cấp nhật dữ liệu; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Cần tổ chức đánh giá việc thực hiện đề sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | <i>Đang tổng hợp, đánh giá tình hình thi hành các văn bản này</i> |
| 06 | Quyết định | 11/2017/QĐ-UBND | 14/3/2017 | Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh | <i>Cần sửa đổi, bổ sung</i> vì một số nội dung không còn phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như quy định về đề nghị xây dựng nghị quyết, hồ sơ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, thẩm định dự thảo quyết định của UBND tỉnh.... | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 07 | Quyết định | 07/2019/QĐ-UBND | 06/5/2019 | Quy định về các trường hợp và thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp phạm vi rộng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức | <i>Cần thay thế</i> cho phù hợp với Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (quy định thêm về cách thức xác định hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính). | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch

| | | | | | | | |
|---------------------------|------------|------------------|------------|---|---|--|------------------------------------|
| 01 | Nghị quyết | 58/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về việc quy định chế độ đặc thù đối với Huấn luyện viên, Vận động viên thể thao thành tích cao và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải | <i>Cần thay thế</i> (đồng thời với thay thế Nghị quyết 92/2013/NQ-HĐND) | Giao Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì tham mưu UBND tỉnh | <i>Đã đề nghị xây dựng văn bản</i> |
| 02 | Nghị quyết | 92/2013/NQ-HĐND | 19/7/2013 | Về việc bổ sung Khoản 5, Điều 1, Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh về Quy định chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> (đồng thời với Nghị quyết 58/2012/NQ-HĐND), vì theo khoản 5 Điều 3 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP thì khoản tiền hỗ trợ cho những ngày thực tế tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng đối với các đối tượng được xác định bằng mức tiền trả theo ngày nhân với 200%) | Giao Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì tham mưu UBND tỉnh | <i>Đã đề nghị xây dựng văn bản</i> |
| Lĩnh vực Văn phòng | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 19/2011/NQ-HĐND | 30/8/2011 | Quy định mức khoán chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức ở các cấp đảm nhiệm việc luân chuyển hồ sơ, thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh | <i>Cần thay thế</i> , vì hiện nay Trung tâm phục vụ hành chính công đã đi vào hoạt động, việc luân chuyển hồ sơ cần có thay đổi, mức khoán cần thay đổi cho phù hợp thì ban hành văn bản thay thế (<i>lưu ý theo Nghị quyết thì đối tượng này là cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa - theo Điểm a, Khoản 2, Điều 34 Nghị định 61/2018/NĐ-CP thì Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa. Hiện nay, Bộ Nội vụ chưa có hướng dẫn cụ thể</i>) | Giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| Lĩnh vực Xây dựng | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 12/2011/QĐ-UBND | 07/6/2011 | Về việc ban hành Quy định Phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> vì quy định về cấp chứng chỉ quy hoạch đã bị bãi bỏ, do đó nội dung về cấp chứng chỉ quy hoạch tại Điều 7, Điều 8 không còn phù hợp; đồng thời căn cứ Luật Xây dựng năm 2003 và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP cũng đã hết hiệu lực | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 02 | Quyết định | 15/2011/QĐ-UBND | 10/6/2011 | Về việc ban hành Quy định phân cấp về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang và Cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần bãi bỏ</i> phần nội dung còn hiệu lực, vì hết năm 2020, không còn Quy hoạch cơ sở xử lý chất thải rắn (tích hợp trong quy hoạch tỉnh) khi ban hành Quy hoạch tỉnh (Sở Xây dựng đề nghị bãi bỏ tại Công văn số 3172/SXD-PTĐT ngày 10/11/2020) | Giao Sở Xây dựng phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh | |
| 03 | Nghị quyết | 140/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | <i>Cần bãi bỏ</i> , vì hết năm 2020 không còn quy hoạch vùng và vùng biên giới các quy hoạch này | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|----|------------|------------------|------------|---|---|---|--|
| 04 | Nghị quyết | 155/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Quy hoạch xây dựng vùng biên giới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | Đánh giá, các quy hoạch này được tích hợp vào quy hoạch tỉnh | Giao Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 05 | Quyết định | 50/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng, lắp đặt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/TTr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 06 | Quyết định | 51/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/TTr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 07 | Quyết định | 52/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/TTr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 08 | Quyết định | 53/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/TTr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 09 | Quyết định | 54/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần sửa chữa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/TTr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 10 | Quyết định | 56/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt truyền dẫn phát sóng truyền hình và truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 11 | Quyết định | 57/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/TTr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 12 | Quyết định | 58/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần thí nghiệm đường dây và trạm biến áp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 13 | Quyết định | 59/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |

| | | | | | | | |
|----------------------|------------|-----------------|------------|---|---|---|--|
| 14 | Quyết định | 60/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 15 | Quyết định | 61/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 16 | Quyết định | 62/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 17 | Quyết định | 63/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 18 | Quyết định | 64/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 19 | Quyết định | 65/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</i> , vì khi các định mức thay đổi dẫn đến nội dung đơn giá thay đổi | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 20 | Quyết định | 44/2016/QĐ-UBND | 30/12/2016 | Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Công văn số 2584/SXD-QHKT ngày 09/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 21 | Quyết định | 02/2018/QĐ-UBND | 19/01/2018 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | <i>Cần thay thế</i> , Sở Xây dựng đề nghị thay thế tại Tờ trình số 208/Ttr-SXD ngày 04/8/2020 và được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 8815/UBND-CN ngày 29/9/2020 | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| 22 | Quyết định | 22/2018/QĐ-UBND | 12/9/2018 | Ban hành Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khi có các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng 2020 cần rà soát để xác định cho phù hợp | Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| Lĩnh vực Y tế | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|------------|------------------|------------|---|---|---|--|
| 01 | Nghị quyết | 179/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Về hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế còn lại cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Nghị quyết này thực hiện đến hết năm 2020, được kéo dài đến hết năm 2021 tại Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND. Do đó, trong năm 2021, cần định hướng phù hợp với quy định của Trung ương | Giao Sở Y tế chủ trì tham mưu UBND tỉnh | |
| TỔNG CỘNG: 78 VĂN BẢN (18 nghị quyết, 60 quyết định) | | | | | | | |

DANH MỤC**Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần qua rà soát năm 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số**/QĐ-UBND ngày**/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)***A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 11 VĂN BẢN (01 nghị quyết, 10 quyết định)**

| TT | TÊN LOẠI | SỐ, KÝ HIỆU | NGÀY BAN HÀNH | TÊN GỌI | PHẦN NỘI DUNG, QUY ĐỊNH HẾT HIỆU LỰC | LÝ DO HẾT HIỆU LỰC | NGÀY HẾT HIỆU LỰC |
|------------------------------------|------------|-----------------|---------------|--|--|---|-------------------|
| Lĩnh vực Công thương | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 12/2016/QĐ-UBND | 15/03/2016 | Ban hành Quy chế tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh | khoản 2 Điều 1; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 12; Điều 14; khoản 3 Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 | 05/02/2021 |
| Lĩnh vực Giáo dục Đào tạo | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 08/2013/QĐ-UBND | 01/02/2013 | Ban hành Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | khoản 2 Điều 4; Điều 5; điểm a, b khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 9; cụm từ "quy định thời gian dạy thêm, học thêm" tại khoản 1 Điều 1; cụm từ "quy định về thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm tại Khoản 1 Điều 1; cụm từ "thời gian dạy thêm, học thêm" tại tiêu đề Điều 4; cụm từ "hồ sơ cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm" tại khoản 3 Điều 11 ban Quy định | Được bãi bỏ bởi Quyết định 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 | 01/9/2020 |
| Lĩnh vực Giao thông vận tải | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 03/2019/QĐ-UBND | 29/03/2019 | Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | khoản 5 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 | 21/01/2021 |

| Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội | | | | | | | |
|---|------------|-----------------|------------|--|--|---|---------------------|
| 01 | Nghị quyết | 13/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến hết năm 2020, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khoản 3 Điều 3 | Hết giai đoạn thực hiện | Hết ngày 31/12/2020 |
| Lĩnh vực Tài chính | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 08/2016/QĐ-UBND | 09/3/2016 | Ban hành Quy định về nguồn, mức trích kinh phí, nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Điểm a, b, c, d, e, h, i khoản 1 Điều 4 ban Quy định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND | 18/5/2020 |
| Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 22/2017/QĐ-UBND | 24/7/2017 | Sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các Quyết định của UBND tỉnh | Điều 1, Điều 2 | Được bãi bỏ bởi Quyết định 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 |
| 02 | Quyết định | 16/2018/QĐ-UBND | 17/7/2018 | Quy định Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Phần B Phụ lục I, phần B Phụ lục 2, phần B Phụ lục 3, phần B Phụ lục 4; cụm từ "đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Quyết định | Được bãi bỏ bởi Quyết định 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020) | 01/9/2020 |
| 03 | Quyết định | 22/2020/QĐ-UBND | 03/7/2020 | Ban hành Bảng giá và Quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh giai đoạn 2020-2024 | Đoạn 2 Điều 1 Quyết định, Điều 8 Quy định | Được bãi bỏ tại Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 | 20/10/2020 |
| Lĩnh vực Thông tin truyền thông | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 15/2014/QĐ-UBND | 04/6/2014 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Khoản 1, Khoản 2 Điều 4; Khoản 2 Điều 7; Khoản 1 Điều 10; Khoản 3 Điều 18 ban Quy định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 11/2020/QĐ-UBND | 01/5/2020 |
| Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|--------------------------|------------|-----------------|-----------|---|--|---|-----------|
| 01 | Quyết định | 08/2019/QĐ-UBND | 06/5/2019 | Ban hành quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh | Khoản 1, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 4 Điều 14 ban Quy định | Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND | 11/5/2020 |
| Lĩnh vực Xây dựng | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 22/2018/QĐ-UBND | 12/9/2018 | Ban hành Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Điều 3; điểm d khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 4; khoản 3 Điều 7; các cụm từ "phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp huyện (khoản 1 Điều 4), "phân cấp cho GĐ sở quản lý xây dựng chuyên ngành" (điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5), "phân cấp cho GĐ Sở Tài chính" (khoản 2 Điều 7) ban Quy định | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 13/2020/QĐ-UBND | 17/5/2020 |

B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 01 (quyết định)

| TT | TÊN LOẠI | SỐ, KÝ HIỆU | NGÀY BAN HÀNH | TÊN GỌI | PHẦN NỘI DUNG, QUY ĐỊNH NGỪNG HIỆU LỰC | LÝ DO NGỪNG HIỆU LỰC | NGÀY NGỪNG HIỆU LỰC |
|--------------------------|------------|-----------------|---------------|--|--|--|---------------------|
| Lĩnh vực Xây dựng | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 13/2020/QĐ-UBND | 07/5/2020 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh | Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí khảo sát quy định tại khoản 3 Điều 1 | Ngưng hiệu lực thi hành bởi Quyết định 33/2020/QĐ-UBND | 06/11/2020 |

DANH MỤC**Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh còn hiệu lực sau rà soát năm 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

| TT | TÊN LOẠI | SỐ, KÝ HIỆU | NGÀY BAN HÀNH | TÊN GỌI | NGÀY HIỆU LỰC | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|------------|-----------------|---------------|---|---------------|--|
| Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 29/2017/QĐ-UBND | 29/9/2017 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 09/10/2017 | |
| 02 | Nghị quyết | 06/2018/NQ-HĐND | 05/7/2018 | Xác định chiều sâu vành đai biên giới và xác lập vùng cấm trong khu vực biên giới tỉnh Đắk Lắk | 20/7/2018 | |
| 03 | Nghị quyết | 02/2019/NQ-HĐND | 10/7/2019 | Quy định mức phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2019 | |
| 04 | Quyết định | 32/2019/QĐ-UBND | 30/12/2019 | Quy chế phối hợp trong công tác quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài tại tỉnh Đắk Lắk. | 10/01/2020 | |
| 05 | Nghị quyết | 17/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Về phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng và trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2021 | |
| Lĩnh vực Công thương | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 14/2012/QĐ-UBND | 25/5/2012 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 05/6/2012 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Quyết định | 12/2016/QĐ-UBND | 15/03/2016 | Ban hành Quy chế tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh | 25/03/2016 | |
| 03 | Quyết định | 18/2016/QĐ-UBND | 11/4/2016 | Quy định giờ bán hàng, các trường hợp tạm dừng bán hàng và quy trình thông báo trước khi dừng bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 21/4/2016 | |
| 04 | Quyết định | 36/2016/QĐ-UBND | 18/11/2016 | Ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 28/11/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 05 | Quyết định | 26/2017/QĐ-UBND | 19/9/2017 | Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/9/2017 | Chuyển từ lĩnh vực tài chính sang theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 9 Quyết định 26/2019/QĐ-UBND |
| 06 | Quyết định | 27/2017/QĐ-UBND | 19/9/2017 | Quy định giá cụ thể, giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/9/2017 | |
| 07 | Quyết định | 01/2018/QĐ-UBND | 15/01/2018 | Ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 25/01/2018 | Cần xử lý sau rà soát |

| | | | | | | |
|------------------------------------|------------|------------------|------------|--|------------|--|
| 08 | Quyết định | 12/2019/QĐ-UBND | 01/7/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh | 11/7/2019 | |
| 09 | Quyết định | 14/2019/QĐ-UBND | 11/7/2019 | Sửa đổi gạch đầu dòng thứ tư Điểm a Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Quy định giá cụ thể, giá tối đa dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh | 21/7/2019 | Chuyển từ lĩnh vực tài chính sang theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 9 Quyết định 26/2019/QĐ-UBND |
| 10 | Quyết định | 22/2019/QĐ-UBND | 06/11/2019 | Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 18/11/2019 | |
| 11 | Quyết định | 06/2020/QĐ-UBND | 20/01/2020 | Ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/02/2020 | |
| 12 | Nghị quyết | 04/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2030 | 20/7/2020 | |
| 13 | Quyết định | 03/2021/QĐ-UBND | 22/01/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND | 05/02/2021 | |
| Lĩnh vực Giáo dục Đào tạo | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 31/2010/QĐ-UBND | 22/10/2010 | Quy định mức hỗ trợ kinh phí đối với Trung tâm học tập cộng đồng và mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ quản lý Trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/10/2010 | |
| 02 | Quyết định | 31/2011/QĐ-UBND | 21/10/2011 | Ban hành chế độ cho học sinh và cán bộ, giáo viên có thành tích cao trong quản lý, giảng dạy và học tập đối với Trường THPT chuyên Nguyễn Du và các trường THPT trên địa bàn tỉnh | 31/10/2011 | |
| 03 | Quyết định | 08/2013/QĐ-UBND | 01/02/2013 | Ban hành Quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 11/02/2013 | |
| 04 | Nghị quyết | 127/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/9/2014 | |
| 05 | Nghị quyết | 18/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2016 - 2017 và mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các trường công lập trực thuộc tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến hết năm học 2020 - 2021 | 01/01/2017 | Cần xử lý sau rà soát |
| 06 | Nghị quyết | 26/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 25/10/2017 | |
| 07 | Nghị quyết | 12/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2021 | |
| Lĩnh vực Giao thông Vận tải | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 04/2012/QĐ-UBND | 15/3/2012 | Về việc ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô con sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước phục vụ công tác | 25/3/2012 | |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|------------|-----------------------|
| 02 | Quyết định | 11/2014/QĐ-UBND | 27/5/2014 | Ban hành Quy định giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 06/6/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 03 | Quyết định | 27/2015/QĐ-UBND | 18/9/2015 | Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/10/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Quyết định | 28/2015/QĐ-UBND | 18/9/2015 | Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/10/2015 | |
| 05 | Quyết định | 46/2015/QĐ-UBND | 16/12/2015 | Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn và cầu trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/12/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 06 | Quyết định | 03/2019/QĐ-UBND | 29/3/2019 | Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/4/2019 | |
| 07 | Quyết định | 31/2019/QĐ-UBND | 27/12/2019 | Phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 08/01/2020 | |
| 08 | Quyết định | 32/2020/QĐ-UBND | 23/10/2020 | Ban hành Quy định trách nhiệm trong công tác phối hợp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiểm soát tai trọng phương tiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 06/11/2020 | |
| 09 | Quyết định | 01/2021/QĐ-UBND | 11/01/2021 | Ban hành Quy định quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 21/01/2021 | |

Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

| | | | | | | |
|----|------------|------------------|------------|---|------------|---|
| 01 | Quyết định | 16/2011/QĐ-UBND | 11/7/2011 | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 21/7/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Nghị quyết | 173/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | 13/12/2015 | Được kéo dài thời gian thực hiện tại Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND |
| 03 | Quyết định | 05/2016/QĐ-UBND | 22/02/2016 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh | 03/3/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Quyết định | 32/2016/QĐ-UBND | 07/10/2016 | Ban hành Quy định về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/10/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 05 | Quyết định | 08/2018/QĐ-UBND | 06/4/2018 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/4/2018 | |
| 06 | Nghị quyết | 05/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Ban hành Quy định về việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 08/7/2020 | |
| 07 | Nghị quyết | 10/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 | 01/01/2021 | |
| 08 | Nghị quyết | 20/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | 01/01/2021 | |
| 09 | Nghị quyết | 22/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Về phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 | 01/01/2021 | |

Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

| | | | | | | |
|--|------------|------------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 01 | Quyết định | 18/2010/QĐ-UBND | 30/6/2010 | Ban hành "Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột đối với sản phẩm cà phê nhân Robusta" | 10/7/2010 | |
| 02 | Quyết định | 25/2014/QĐ-UBND | 14/7/2014 | Ban hành quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 24/7/2014 | |
| 03 | Nghị quyết | 119/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Thành lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk | 28/7/2014 | |
| 04 | Quyết định | 41/2015/QĐ-UBND | 30/10/2015 | Ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/11/2015 | |
| 05 | Quyết định | 42/2015/QĐ-UBND | 30/10/2015 | Ban hành Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/11/2015 | |
| 06 | Quyết định | 66/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột đối với sản phẩm cà phê nhân Robusta ban hành kèm theo Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk | 27/12/2015 | |
| 07 | Quyết định | 27/2016/QĐ-UBND | 20/6/2016 | Ban hành Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh | 30/6/2016 | |
| 08 | Quyết định | 28/2016/QĐ-UBND | 01/7/2016 | Ban hành Quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk | 11/7/2016 | |
| 09 | Quyết định | 09/2017/QĐ-UBND | 09/3/2017 | Ban hành Quy định hỗ trợ, cho vay ưu đãi hỗ trợ lãi vay vốn của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk | 19/3/2017 | |
| 10 | Quyết định | 06/2018/QĐ-UBND | 27/3/2018 | Về việc Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 07/4/2018 | |
| 11 | Quyết định | 07/2018/QĐ-UBND | 27/3/2018 | Ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 07/4/2018 | |
| Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 54/2005/QĐ-UBND | 09/9/2005 | Ban hành Quy định hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 118/1996/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ | 19/9/2005 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Nghị quyết | 105/2013/NQ-HĐND | 20/12/2013 | Về Cộng tác viên kiêm nhiệm bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/12/2013 | Cần xử lý sau rà soát |
| 03 | Nghị quyết | 107/2013/NQ-HĐND | 20/12/2013 | Về việc quy định chế độ, chính sách đối với Đội công tác xã hội tình nguyện tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh | 23/12/2013 | |
| 04 | Quyết định | 21/2017/QĐ-UBND | 18/7/2017 | Quy định về mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 28/7/2017 | |
| 05 | Nghị quyết | 05/2018/NQ-HĐND | 05/7/2018 | Quy định mức trợ cấp đặc thù cho công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2018 | |

| | | | | | | |
|--------------------------|------------|-----------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 06 | Quyết định | 29/2018/QĐ-UBND | 29/11/2018 | Bãi bỏ quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 24/4/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động Nhà tang lễ tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tổ chức và hoạt động Nhà tang lễ tỉnh; ban hành kèm theo Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 24/4/2009 của UBND tỉnh | 08/12/2018 | |
| 07 | Nghị quyết | 08/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Quy định mức đóng góp; chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2019 | |
| 08 | Quyết định | 17/2019/QĐ-UBND | 30/7/2019 | Quy định về số lượng, mức hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 09/8/2019 | |
| 09 | Nghị quyết | 13/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến hết năm 2020, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2020 | |
| 10 | Quyết định | 16/2020/QĐ-UBND | 19/5/2020 | Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 29/5/2020 | Cần xử lý sau rà soát |
| 11 | Quyết định | 18/2020/QĐ-UBND | 20/5/2020 | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh | 30/5/2020 | |
| 12 | Nghị quyết | 08/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 20/7/2020 | |
| 13 | Nghị quyết | 14/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Quy định các đối tượng chính sách khác được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | 01/01/2021 | |
| Lĩnh vực Ngoại vụ | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 14/2018/QĐ-UBND | 29/6/2018 | Bãi bỏ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy chế quản lý đoàn ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/7/2018 | |
| 02 | Quyết định | 09/2020/QĐ-UBND | 05/02/2020 | Ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 16/02/2020 | |
| Lĩnh vực Nội vụ | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 02/2005/NQ-HĐND | 21/7/2005 | Về việc ban hành chính sách cho đội công tác phát động quần chúng chuyên trách ở cơ sở của tỉnh | 31/7/2005 | |
| 02 | Nghị quyết | 07/2009/NQ-HĐND | 10/7/2009 | Về việc điều chỉnh chính sách cho đội công tác phát động quần chúng chuyên trách ở cơ sở theo Điều 1, Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 21/7/2005 của HĐND tỉnh | 20/7/2009 | |
| 03 | Quyết định | 34/2010/QĐ-UBND | 16/11/2010 | Về việc giao số lượng cán bộ, công chức cho xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã và thành phố | 26/11/2010 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Nghị quyết | 33/2010/NQ-HĐND | 10/12/2010 | Về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phi đối với một số chức danh cán bộ cơ sở. | 20/12/2010 | Cần xử lý sau rà soát |
| 05 | Nghị quyết | 57/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về việc quy định chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 16/7/2012 | |
| 06 | Quyết định | 30/2012/QĐ-UBND | 07/8/2012 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/8/2012 | Cần xử lý sau rà soát |

| | | | | | | |
|---|------------|------------------|------------|--|------------|-----------------------|
| 07 | Nghị quyết | 146/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở | 23/12/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 08 | Quyết định | 05/2015/QĐ-UBND | 16/01/2015 | Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/01/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 09 | Nghị quyết | 157/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Về việc khen thưởng hình thức Huy hiệu "Vi sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Lắk" | 20/7/2015 | |
| 10 | Quyết định | 36/2015/QĐ-UBND | 22/10/2015 | Về việc Quy định hiện vật và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng Huy hiệu "Vi sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Lắk" | 02/11/2015 | |
| 11 | Quyết định | 13/2016/QĐ-UBND | 28/3/2016 | Ban hành Quy định Danh mục thành phần hồ sơ, tài liệu thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Đắk Lắk | 06/4/2016 | |
| 12 | Quyết định | 14/2016/QĐ-UBND | 31/3/2016 | Ban hành Quy định về xử lý kỷ luật cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/4/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 13 | Quyết định | 09/2018/QĐ-UBND | 16/4/2018 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk | 25/4/2018 | Cần xử lý sau rà soát |
| 14 | Nghị quyết | 14/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND, ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về quy định về chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở | 20/12/2018 | Cần xử lý sau rà soát |
| 15 | Quyết định | 24/2019/QĐ-UBND | 18/11/2019 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 28/11/2019 | |
| 16 | Nghị quyết | 08/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Bãi bỏ Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk | 20/12/2019 | |
| 17 | Quyết định | 30/2019/QĐ-UBND | 24/12/2019 | Về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk | 02/01/2020 | |
| 18 | Quyết định | 03/2020/QĐ-UBND | 10/01/2020 | Ban hành Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ | 20/01/2020 | |
| 19 | Quyết định | 40/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị Nhà nước về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh | 28/12/2020 | |
| 20 | Quyết định | 02/2021/QĐ-UBND | 13/01/2021 | ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/01/2021 | |
| Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 22/2010/QĐ-UBND | 04/8/2010 | Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động Mạng lưới thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 14/8/2010 | Cần xử lý sau rà soát |

| | | | | | | |
|----|------------|------------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 02 | Nghị quyết | 41/2011/NQ-HĐND | 22/12/2011 | Về xây dựng Hệ thống khuyến nông viên cơ sở tỉnh Đắk Lắk | 26/12/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 03 | Nghị quyết | 78/2012/NQ-HĐND | 21/10/2012 | Về việc quy định một số chính sách bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk | 22/12/2012 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Quyết định | 38/2013/QĐ-UBND | 17/12/2013 | Về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật một số cây trồng vật nuôi chính trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh | 27/12/2013 | Cần xử lý sau rà soát |
| 05 | Quyết định | 13/2014/QĐ-UBND | 28/5/2014 | Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn Voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 07/6/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 06 | Quyết định | 33/2014/QĐ-UBND | 08/10/2014 | Ban hành Quy định về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 18/10/2014 | |
| 07 | Quyết định | 38/2014/QĐ-UBND | 06/11/2014 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/11/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 08 | Nghị quyết | 141/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Về an toàn hồ chứa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/12/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 09 | Nghị quyết | 158/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030 | 20/7/2015 | |
| 10 | Quyết định | 39/2015/QĐ-UBND | 30/10/2015 | Về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh | 10/11/2015 | |
| 11 | Quyết định | 21/2016/QĐ-UBND | 18/5/2016 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh | 01/6/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 12 | Quyết định | 22/2016/QĐ-UBND | 20/5/2016 | Ban hành Quy định về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/6/2016 | |
| 13 | Quyết định | 43/2016/QĐ-UBND | 27/12/2016 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh | 06/01/2017 | Cần xử lý sau rà soát |
| 14 | Quyết định | 08/2017/QĐ-UBND | 28/02/2017 | Về hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/3/2017 | |
| 15 | Nghị quyết | 24/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | 01/8/2017 | |
| 16 | Quyết định | 33/2017/QĐ-UBND | 13/12/2017 | Ban hành Quy chế quản lý cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/12/2017 | |
| 17 | Quyết định | 13/2018/QĐ-UBND | 21/6/2018 | Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/7/2018 | |
| 18 | Quyết định | 09/2019/QĐ-UBND | 22/5/2019 | Về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 02/6/2019 | |
| 19 | Nghị quyết | 03/2019/NQ-HĐND | 10/7/2019 | Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2019 | |

| | | | | | | |
|---------------------------|------------|-----------------|------------|--|------------|-----------------------|
| 20 | Quyết định | 04/2020/QĐ-UBND | 20/01/2020 | Về việc phân cấp phê duyệt hồ trợ liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/01/2020 | |
| 21 | Quyết định | 08/2020/QĐ-UBND | 22/01/2020 | Về việc quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng hàng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 02/02/2020 | |
| 22 | Quyết định | 10/2020/QĐ-UBND | 13/4/2020 | Về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/4/2020 | |
| 23 | Quyết định | 23/2020/QĐ-UBND | 07/8/2020 | Quy định về phân cấp quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 18/7/2020 | |
| 24 | Nghị quyết | 13/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2021 | |
| 25 | Nghị quyết | 18/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2021 | |
| 26 | Nghị quyết | 19/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2021 | |
| 27 | Quyết định | 38/2020/QĐ-UBND | 17/12/2020 | Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 27/12/2020 | |
| 28 | Quyết định | 39/2020/QĐ-UBND | 17/12/2020 | Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 | 27/12/2020 | |
| 29 | Quyết định | 04/2021/QĐ-UBND | 25/01/2021 | Ban hành quy định việc phân cấp cho UBND cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ Phòng, chống thiên tai và việc quản lý, sử dụng Quỹ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai | 05/02/2021 | |
| 30 | Quyết định | 05/2021/QĐ-UBND | 05/02/2021 | Quy định các hệ số K thành phần làm cơ sở xác định tiền chi trả, dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 15/02/2021 | |
| Lĩnh vực Tài chính | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 2604/2001/QĐ-UB | 31/8/2001 | Về việc quy định tỷ lệ quy đổi đá thương phẩm ra đá nguyên khai | 31/8/2001 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Nghị quyết | 15/2011/NQ-HĐND | 30/8/2011 | Về kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" trên địa bàn tỉnh | 29/8/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 03 | Quyết định | 08/2012/QĐ-UBND | 09/4/2012 | Ban hành Quy định nội dung và mức chi xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh | 19/4/2012 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Quyết định | 10/2012/QĐ-UBND | 24/4/2012 | Về việc quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà và tài sản để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh | 04/5/2012 | |
| 05 | Quyết định | 17/2012/QĐ-UBND | 20/6/2012 | Về việc ban hành Quy chế tự cam kết kê khai tiền sử dụng đất khi nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, xin chuyển mục đích sử dụng đất không phải đất ở sang đất ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/6/2012 | |

| | | | | | | |
|----|------------|------------------|------------|--|------------|--|
| 06 | Quyết định | 31/2012/QĐ-UBND | 24/8/2012 | Về việc bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 của UBND tỉnh về việc quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà và tài sản để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh. | 04/9/2012 | |
| 07 | Quyết định | 51/2012/QĐ-UBND | 28/12/2012 | Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 08/01/2013 | |
| 08 | Quyết định | 24/2013/QĐ-UBND | 07/10/2013 | Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/10/2013 | Cần xử lý sau rà soát |
| 09 | Quyết định | 34/2013/QĐ-UBND | 27/11/2013 | Về việc Quy định mức giá tính thuế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuê nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 07/12/2013 | Cần xử lý sau rà soát |
| 10 | Nghị quyết | 112/2014/NQ-HĐND | 17/7/2014 | Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 27/7/2014 | |
| 11 | Quyết định | 01/2016/QĐ-UBND | 06/01/2016 | Ban hành Quy định về việc miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh | 16/01/2016 | |
| 12 | Quyết định | 07/2016/QĐ-UBND | 08/3/2016 | Ban hành Quy định chung loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý | 18/3/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 13 | Quyết định | 08/2016/QĐ-UBND | 09/3/2016 | Ban hành Quy định về nguồn, mức trích kinh phí, nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 19/3/2016 | |
| 14 | Nghị quyết | 03/2016/NQ-HĐND | 30/8/2016 | Bãi bỏ Nghị quyết số 90/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 và Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 15/9/2016 | |
| 15 | Nghị quyết | 07/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017 cho ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2017 | |
| 16 | Nghị quyết | 08/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk từ năm 2017 | 01/01/2017 | |
| 17 | Nghị quyết | 09/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 | 01/01/2017 | Được Nghị quyết 21/2020/NQ-HĐND kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2021 |
| 18 | Nghị quyết | 11/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2017 | |
| 19 | Nghị quyết | 12/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2017 | |
| 20 | Nghị quyết | 20/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Quy định mức trích (tỷ lệ %) từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2017 | |
| 21 | Nghị quyết | 21/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2017 | |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|--|------------|--|
| 22 | Nghị quyết | 22/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2017 | |
| 23 | Nghị quyết | 23/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2017 | |
| 24 | Quyết định | 25/2017/QĐ-UBND | 19/9/2017 | Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/9/2017 | |
| 25 | Nghị quyết | 28/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 25/10/2017 | |
| 26 | Nghị quyết | 29/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Quy định nội dung, mức chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương | 25/10/2017 | |
| 27 | Nghị quyết | 30/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 25/10/2017 | |
| 28 | Nghị quyết | 31/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Sửa đổi Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk từ năm 2017 | 01/01/2018 | |
| 29 | Quyết định | 31/2017/QĐ-UBND | 13/11/2017 | Quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/11/2017 | |
| 30 | Quyết định | 34/2017/QĐ-UBND | 14/12/2017 | Về việc quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 24/12/2017 | |
| 31 | Quyết định | 04/2018/QĐ-UBND | 13/02/2018 | Ban hành quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/02/2018 | |
| 32 | Nghị quyết | 01/2018/NQ-HĐND | 05/7/2018 | Quy định mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2018 | |
| 33 | Nghị quyết | 02/2018/NQ-HĐND | 05/7/2018 | Về định mức kinh phí hỗ trợ lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2018 | |
| 34 | Nghị quyết | 03/2018/NQ-HĐND | 05/7/2018 | Quy định biểu mẫu và thời gian gửi kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán hàng năm; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp tỉnh Đắk Lắk | 20/7/2018 | |
| 35 | Nghị quyết | 04/2018/NQ-HĐND | 05/7/2018 | Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 20/7/2018 | |
| 36 | Quyết định | 23/2018/QĐ-UBND | 13/9/2018 | Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định bảng giá đất và Hội đồng thẩm định giá đất, Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất | 23/9/2018 | |
| 37 | Quyết định | 30/2018/QĐ-UBND | 05/12/2018 | Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh | 15/12/2018 | |
| 38 | Nghị quyết | 09/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2019 | |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|------------|--|
| 39 | Nghị quyết | 10/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2019 | |
| 40 | Nghị quyết | 11/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2019 | |
| 41 | Quyết định | 31/2018/QĐ-UBND | 28/12/2018 | Về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 06/01/2019 | |
| 42 | Quyết định | 01/2019/QĐ-UBND | 14/01/2019 | Bãi bỏ Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND tỉnh về việc sử dụng nguồn thu từ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành | 24/01/2019 | |
| 43 | Quyết định | 04/2019/QĐ-UBND | 08/4/2019 | Ban hành Quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 18/4/2019 | |
| 44 | Nghị quyết | 04/2019/NQ-HĐND | 10/7/2019 | Quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh | 01/8/2019 | |
| 45 | Nghị quyết | 05/2019/NQ-HĐND | 10/7/2019 | Quy định mức ăn hàng ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2019 | |
| 46 | Quyết định | 23/2019/QĐ-UBND | 18/11/2019 | Quy định tài sản công có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 28/11/2019 | |
| 47 | Quyết định | 26/2019/QĐ-UBND | 17/12/2019 | Về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/12/2019 | |
| 48 | Nghị quyết | 07/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường cho các cấp ngân sách thuộc tỉnh Đắk Lắk | 20/12/2019 | |
| 49 | Quyết định | 29/2019/QĐ-UBND | 24/12/2019 | Quy định giá thóc tẻ dùng để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2020 | |
| 50 | Quyết định | 14/2020/QĐ-UBND | 08/5/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 4 của Quy định về nguồn, mức trích kinh phí, nội dung chi, mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk | 18/5/2020 | |
| 51 | Quyết định | 19/2020/QĐ-UBND | 10/6/2020 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đắk Lắk | 20/6/2020 | |
| 52 | Quyết định | 21/2020/QĐ-UBND | 29/6/2020 | Về việc quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 10/7/2020 | |
| 53 | Nghị quyết | 03/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Ban hành Quy định mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 20/7/2020 | |
| 54 | Nghị quyết | 06/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Về việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 20/7/2020 | |
| 55 | Nghị quyết | 07/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách địa phương | 20/7/2020 | |
| 56 | Quyết định | 27/2020/QĐ-UBND | 24/8/2020 | Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/9/2020 | |

| | | | | | | |
|--|------------|-----------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 57 | Quyết định | 30/2020/QĐ-UBND | 20/10/2020 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/11/2020 | |
| 58 | Quyết định | 31/2020/QĐ-UBND | 20/10/2020 | Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/11/2020 | |
| 59 | Nghị quyết | 11/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2021 | |
| 60 | Nghị quyết | 21/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2019 | 01/01/2021 | |
| Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 54/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Đắk Lắk | 16/7/2012 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Quyết định | 25/2013/QĐ-UBND | 24/10/2013 | Về việc Quy định tỷ lệ quy đổi từ quặng khoáng sản không kim loại thành phẩm ra số lượng quặng khoáng sản không kim loại nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 03/11/2013 | Cần xử lý sau rà soát |
| 03 | Chỉ thị | 09/2014/CT-UBND | 15/10/2014 | Về việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh | 25/10/2014 | |
| 04 | Quyết định | 36/2014/QĐ-UBND | 17/10/2014 | Hạn mức giao đất ở; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao; kích thước, diện tích tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 27/10/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 05 | Quyết định | 39/2014/QĐ-UBND | 10/11/2014 | Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 20/11/2014 | |
| 06 | Quyết định | 49/2014/QĐ-UBND | 31/12/2014 | Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thanh tra, kiểm tra và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/01/2015 | |
| 07 | Quyết định | 10/2015/QĐ-UBND | 13/02/2015 | Về việc ban hành Quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/02/2015 | |
| 08 | Quyết định | 23/2015/QĐ-UBND | 07/8/2015 | Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/8/2015 | |
| 09 | Quyết định | 02/2016/QĐ-UBND | 13/01/2016 | Về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/01/2016 | |
| 10 | Quyết định | 19/2016/QĐ-UBND | 12/4/2016 | Về việc quy định cơ quan thực hiện việc xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp | 22/4/2016 | |
| 11 | Quyết định | 30/2016/QĐ-UBND | 11/8/2016 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/8/2016 | |

| | | | | | | |
|---------------------------|------------|-----------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 12 | Quyết định | 40/2016/QĐ-UBND | 01/12/2016 | Ban hành Quy định cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 12/12/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 13 | Nghị quyết | 25/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đắk Lắk | 01/8/2017 | Cần xử lý sau rà soát |
| 14 | Quyết định | 22/2017/QĐ-UBND | 24/7/2017 | Sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các Quyết định của UBND tỉnh | 07/8/2017 | |
| 15 | Quyết định | 10/2018/QĐ-UBND | 15/5/2018 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thu ngân sách nhà nước đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 25/5/2018 | |
| 16 | Quyết định | 16/2018/QĐ-UBND | 17/7/2018 | Quy định Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/7/2018 | Cần xử lý sau rà soát |
| 17 | Quyết định | 18/2018/QĐ-UBND | 03/8/2018 | Quy định thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 14/8/2018 | |
| 18 | Quyết định | 27/2019/QĐ-UBND | 19/12/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk | 29/12/2019 | |
| 19 | Quyết định | 05/2020/QĐ-UBND | 20/01/2020 | Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/01/2020 | |
| 20 | Nghị quyết | 01/2020/NQ-HĐND | 22/5/2020 | Về Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh giai đoạn 2020-2024 | 01/6/2020 | |
| 21 | Quyết định | 22/2020/QĐ-UBND | 03/7/2020 | Ban hành Bảng giá và Quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh giai đoạn 2020-2024 | 13/7/2020 | |
| 22 | Quyết định | 29/2020/QĐ-UBND | 10/9/2020 | Bãi bỏ một số nội dung của Quyết định và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024 | 20/10/2020 | |
| 23 | Quyết định | 34/2020/QĐ-UBND | 25/11/2020 | Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh | 05/12/2020 | |
| 24 | Quyết định | 36/2020/QĐ-UBND | 27/11/2020 | Bổ sung giá đất vào bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 07/12/2020 | |
| 25 | Quyết định | 06/2021/QĐ-UBND | 05/02/2021 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND cấp huyện, cấp xã, cơ quan Thuế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Đăng ký đất đai | 15/02/2021 | |
| Lĩnh vực Thanh tra | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 07/2014/QĐ-UBND | 14/3/2014 | Ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 24/3/2014 | |
| 02 | Quyết định | 13/2015/QĐ-UBND | 20/3/2015 | Ban hành Quy định về công tác tiếp công dân trên địa bàn tỉnh | 30/3/2015 | |

| | | | | | | |
|--|------------|-----------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 03 | Quyết định | 16/2016/QĐ-UBND | 05/4/2016 | Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 15/4/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| Lĩnh vực Thông tin truyền thông | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 39/2010/QĐ-UBND | 31/12/2010 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin | 10/01/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Chỉ thị | 14/2011/CT-UBND | 24/10/2011 | Về việc tăng cường công tác quản lý tần số vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 03/11/2011 | |
| 03 | Quyết định | 08/2014/QĐ-UBND | 09/5/2014 | Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng và vận hành Hệ thống thư điện tử tỉnh Đắk Lắk | 19/5/2014 | |
| 04 | Quyết định | 15/2014/QĐ-UBND | 04/6/2014 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 14/6/2014 | |
| 05 | Quyết định | 16/2014/QĐ-UBND | 11/6/2014 | Về việc ban hành Quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử; Bản tin của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thị xã, thành phố; Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 21/6/2014 | |
| 06 | Quyết định | 46/2014/QĐ-UBND | 31/12/2014 | Ban hành Quy định về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/01/2015 | |
| 07 | Quyết định | 31/2015/QĐ-UBND | 25/9/2015 | Ban hành Quy định về tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và thời gian hoạt động của đại lý Internet, điểm truy cập Internet công cộng của doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/10/2015 | |
| 08 | Quyết định | 20/2016/QĐ-UBND | 17/5/2016 | Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh | 27/5/2016 | |
| 09 | Quyết định | 38/2016/QĐ-UBND | 29/11/2016 | Ban hành Quy định quản lý, sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 19/12/2016 | |
| 10 | Quyết định | 27/2018/QĐ-UBND | 09/11/2018 | Bãi bỏ Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy định quy trình thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp mới, sửa đổi, bổ sung, gia hạn; cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 19/11/2018 | |
| 11 | Quyết định | 28/2018/QĐ-UBND | 16/11/2018 | Ban hành Quy chế quản lý và cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk | 26/11/2018 | |
| 12 | Quyết định | 11/2019/QĐ-UBND | 21/6/2019 | Ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng Cổng Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông tỉnh Đắk Lắk | 01/7/2019 | |
| 13 | Quyết định | 16/2019/QĐ-UBND | 30/7/2019 | Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk | 09/8/2019 | |
| 14 | Quyết định | 11/2020/QĐ-UBND | 21/4/2020 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đài Truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 04/6/2014 của UBND tỉnh | 01/5/2020 | |

| | | | | | | |
|-------------------------|------------|------------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 15 | Quyết định | 28/2020/QĐ-UBND | 22/9/2020 | Ban hành Quy chế hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 05/10/2020 | |
| 16 | Quyết định | 41/2020/QĐ-UBND | 31/12/2020 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh | 15/01/2021 | |
| Lĩnh vực Tư pháp | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 51/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về việc quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 16/7/2012 | |
| 02 | Nghị quyết | 122/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 28/7/2014 | |
| 03 | Quyết định | 37/2014/QĐ-UBND | 27/10/2014 | Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài | 06/11/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Nghị quyết | 142/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Quy định về mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/12/2014 | |
| 05 | Quyết định | 20/2015/QĐ-UBND | 27/7/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh | 10/8/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 06 | Quyết định | 37/2015/QĐ-UBND | 28/10/2015 | Về việc ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/11/2015 | |
| 07 | Quyết định | 38/2015/QĐ-UBND | 28/10/2015 | Về mức trần chi phí in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản tại các cơ quan thực hiện chứng thực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/11/2015 | |
| 08 | Quyết định | 49/2015/QĐ-UBND | 16/12/2015 | Ban hành Quy định tiêu chí, mức điểm và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/12/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 09 | Quyết định | 68/2015/QĐ-UBND | 21/12/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 30/12/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 10 | Quyết định | 33/2016/QĐ-UBND | 11/11/2016 | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | 21/11/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 11 | Quyết định | 42/2016/QĐ-UBND | 01/12/2016 | Quy định về cộng tác viên dịch thuật và mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/12/2016 | |
| 12 | Quyết định | 01/2017/QĐ-UBND | 16/01/2017 | Ban hành Quy định phối hợp trong cập nhật dữ liệu; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/01/2017 | Cần xử lý sau rà soát |
| 13 | Quyết định | 02/2017/QĐ-UBND | 16/01/2017 | Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các trường hợp vướng mắc giữa giấy tờ hộ tịch và các giấy tờ, hồ sơ khác của công dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/01/2017 | |
| 14 | Quyết định | 05/2017/QĐ-UBND | 22/02/2017 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 04/3/2017 | |
| 15 | Quyết định | 11/2017/QĐ-UBND | 14/3/2017 | Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND trên địa bàn tỉnh | 23/3/2017 | Cần xử lý sau rà soát |

| | | | | | | |
|--|------------|------------------|------------|---|------------|--|
| 16 | Nghị quyết | 19/2017/NQ-HĐND | 13/7/2017 | Bãi bỏ một số nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh | 01/8/2017 | |
| 17 | Quyết định | 20/2017/QĐ-UBND | 17/7/2017 | Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chứa quy phạm pháp luật của UBND tỉnh | 22/7/2017 | |
| 18 | Nghị quyết | 13/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Bãi bỏ Nghị quyết số 95/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của HĐND tỉnh về trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2013 - 2030 | 20/12/2018 | |
| 19 | Quyết định | 07/2019/QĐ-UBND | 06/5/2019 | Quy định về các trường hợp và thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp phạm vi rộng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân tổ chức | 17/5/2019 | Cần xử lý sau rà soát |
| 20 | Nghị quyết | 01/2019/NQ-HĐND | 10/7/2019 | Bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh | 01/8/2019 | |
| 21 | Quyết định | 15/2019/QĐ-UBND | 29/7/2019 | Bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh | 09/8/2019 | |
| 22 | Quyết định | 01/2020/QĐ-UBND | 02/01/2020 | Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 13/01/2020 | |
| 23 | Nghị quyết | 02/2020/NQ-HĐND | 08/7/2020 | Nghị quyết bãi bỏ một số Nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh | 20/7/2020 | |
| 24 | Quyết định | 25/2020/QĐ-UBND | 19/8/2020 | Quyết định bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản QPPL của UBND tỉnh | 01/9/2020 | |
| 25 | Quyết định | 07/2021/QĐ-UBND | 10/03/2021 | Ban hành Quy chế phối hợp về giải quyết việc con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 21/03/2021 | |
| Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 01/2004/QĐ-UB | 12/01/2004 | Về việc đặt tên đường phố thị trấn Buôn Hồ, huyện Krông Búk (đợt 1) | 12/01/2004 | |
| 02 | Nghị quyết | 58/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về việc quy định chế độ đặc thù đối với Huấn luyện viên, Vận động viên thể thao thành tích cao và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải | 16/7/2012 | Cần xử lý sau rà soát |
| 03 | Nghị quyết | 92/2013/NQ-HĐND | 19/7/2013 | Về việc bổ sung Khoản 5, Điều 1, Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh về Quy định chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải | 21/7/2013 | Cần xử lý sau rà soát |
| 04 | Quyết định | 21/2013/QĐ-UBND | 12/8/2013 | Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh | 22/8/2013 | |
| 05 | Nghị quyết | 125/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Cơ cấu giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Chư Yang Sin tỉnh Đắk Lắk | 28/7/2014 | |
| 06 | Nghị quyết | 05/2016/NQ-HĐND | 30/8/2016 | Về bảo tồn, phát huy văn hóa cồng chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | 15/9/2016 | Được kéo dài thời gian thực hiện tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND |
| 07 | Nghị quyết | 17/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Đặt, đổi tên đường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, đợt 4 | 01/01/2017 | |

| | | | | | | |
|---------------------------|------------|------------------|------------|---|------------|---|
| 08 | Quyết định | 10/2017/QĐ-UBND | 14/3/2017 | Ban hành Quy chế phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/3/2017 | |
| 09 | Quyết định | 05/2019/QĐ-UBND | 17/4/2019 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà văn hóa cộng đồng | 26/4/2019 | |
| 10 | Quyết định | 08/2019/QĐ-UBND | 06/5/2019 | Ban hành quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh | 16/5/2019 | |
| 11 | Nghị quyết | 05/2019/NQ-HĐND | 10/7/2019 | Quy định mức ăn hàng ngày đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 19/12/2019 | |
| 12 | Quyết định | 02/2020/QĐ-UBND | 07/01/2020 | Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh lập thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh, các đại hội, giải thể thao quốc gia | 17/01/2020 | |
| 13 | Quyết định | 15/2020/QĐ-UBND | 11/5/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk | 21/5/2020 | |
| 14 | Nghị quyết | 16/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của HĐND tỉnh về bảo tồn và phát huy văn hoá cồng chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | 01/01/2021 | |
| Lĩnh vực Văn phòng | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 19/2011/NQ-HĐND | 30/8/2011 | Quy định mức khoán chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức ở các cấp đảm nhiệm việc luân chuyển hồ sơ, thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh | 29/8/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 02 | Nghị quyết | 41/2014/QĐ-UBND | 20/11/2014 | Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh | 30/11/2014 | |
| 03 | Nghị quyết | 115/2014/NQ-HĐND | 17/7/2014 | Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/04/2014 | VPUBND tỉnh đề nghị tiếp tục thực hiện (Công văn số 42/VPUBND-KSTTHC ngày 21/01/2021) |
| 04 | Quyết định | 45/2016/QĐ-UBND | 30/12/2016 | Ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao | 09/01/2017 | |
| 05 | Quyết định | 19/2017/QĐ-UBND | 29/6/2017 | Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk | 10/7/2017 | |
| 06 | Quyết định | 06/2019/QĐ-UBND | 26/4/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 | 06/5/2019 | |
| 07 | Quyết định | 20/2019/QĐ-UBND | 30/9/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh | 09/10/2019 | |
| 08 | Quyết định | 12/2020/QĐ-UBND | 29/4/2020 | Ban hành Quy chế hoạt động của công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 09/5/2020 | |
| 09 | Quyết định | 24/2020/QĐ-UBND | 10/7/2020 | Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/7/2020 | |

| | | | | | | |
|--------------------------|------------|------------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 10 | Quyết định | 35/2020/QĐ-UBND | 27/11/2020 | Bãi bỏ Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh | 08/12/2020 | |
| Lĩnh vực Xây dựng | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 06/2010/QĐ-UBND | 08/02/2010 | Về việc ban hành Quy định chi giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột. | 18/02/2010 | |
| 02 | Quyết định | 24/2010/QĐ-UBND | 26/8/2010 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định chi giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh | 06/9/2010 | |
| 03 | Quyết định | 25/2010/QĐ-UBND | 22/9/2010 | Về việc ban hành Quy định về đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 02/10/2010 | |
| 04 | Quyết định | 12/2011/QĐ-UBND | 07/6/2011 | Về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/6/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 05 | Quyết định | 13/2011/QĐ-UBND | 07/6/2011 | Ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/6/2011 | |
| 06 | Quyết định | 15/2011/QĐ-UBND | 10/6/2011 | Về việc ban hành Quy định phân cấp về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang và Cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 20/6/2011 | Cần xử lý sau rà soát |
| 07 | Quyết định | 28/2011/QĐ-UBND | 07/10/2011 | Về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 17/10/2011 | |
| 08 | Quyết định | 09/2012/QĐ-UBND | 12/4/2012 | Ban hành Quy định về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/4/2012 | |
| 09 | Quyết định | 15/2012/QĐ-UBND | 01/6/2012 | Ban hành Quy định phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 11/6/2012 | |
| 10 | Quyết định | 43/2012/QĐ-UBND | 21/11/2012 | Về việc điều chỉnh, bổ sung quy định chi giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 và Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 26/8/2010 của UBND tỉnh | 01/12/2012 | |
| 11 | Quyết định | 23/2013/QĐ-UBND | 27/9/2013 | Về việc Quy định danh mục các tuyến đường cấm trồng giữ xe công cộng theo hình thức dịch vụ có thu phí tại thành phố Buôn Ma Thuột | 07/10/2013 | |
| 12 | Quyết định | 18/2014/QĐ-UBND | 24/6/2014 | Ban hành Quy định về quản lý và phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 04/7/2014 | |
| 13 | Nghị quyết | 114/2014/NQ-HĐND | 17/7/2014 | Công nhận xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại V | 27/7/2014 | |
| 14 | Quyết định | 35/2014/QĐ-UBND | 13/10/2014 | Quy định lộ trình chấm dứt hoạt động sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí), lò vòng, lò cải tiến không sử dụng nhiên liệu hóa thạch mà sử dụng phế liệu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 23/10/2014 | |
| 15 | Quyết định | 40/2014/QĐ-UBND | 19/11/2014 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 29/11/2014 | |

| | | | | | | |
|----|------------|------------------|------------|---|------------|-----------------------|
| 16 | Nghị quyết | 140/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | 23/12/2014 | Cần xử lý sau rà soát |
| 17 | Nghị quyết | 155/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Quy hoạch xây dựng vùng biên giới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | 20/7/2015 | Cần xử lý sau rà soát |
| 18 | Quyết định | 47/2015/QĐ-UBND | 16/12/2015 | Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/12/2015 | |
| 19 | Quyết định | 50/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng, lắp đặt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 20 | Quyết định | 51/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 21 | Quyết định | 52/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 22 | Quyết định | 53/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 23 | Quyết định | 54/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần sửa chữa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 24 | Quyết định | 56/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần lắp đặt truyền dẫn phát sóng truyền hình và truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 25 | Quyết định | 57/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 26 | Quyết định | 58/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần thí nghiệm đường dây và trạm biến áp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 27 | Quyết định | 59/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 28 | Quyết định | 60/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 29 | Quyết định | 61/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 30 | Quyết định | 62/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 31 | Quyết định | 63/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 32 | Quyết định | 64/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 33 | Quyết định | 65/2015/QĐ-UBND | 17/12/2015 | Về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2016 | Cần xử lý sau rà soát |
| 34 | Quyết định | 26/2016/QĐ-UBND | 02/6/2016 | Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | 12/6/2016 | |

| | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|------------|--|
| 35 | Nghị quyết | 13/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 01/01/2017 | Được kéo dài thời gian thực hiện tại Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND |
| 36 | Quyết định | 44/2016/QĐ-UBND | 30/12/2016 | Ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 10/01/2017 | Cần xử lý sau rà soát |
| 37 | Quyết định | 07/2017/QĐ-UBND | 27/02/2017 | Ban hành Quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 09/3/2017 | |
| 38 | Quyết định | 12/2017/QĐ-UBND | 16/3/2017 | Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/3/2017 | |
| 39 | Quyết định | 13/2017/QĐ-UBND | 16/3/2017 | Ban hành Quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/3/2017 | |
| 40 | Quyết định | 24/2017/QĐ-UBND | 05/9/2017 | Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng biên giới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | 15/9/2017 | |
| 41 | Quyết định | 35/2017/QĐ-UBND | 21/12/2017 | Về việc điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong một số bộ đơn giá xây dựng do UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 31/12/2017 | |
| 42 | Quyết định | 02/2018/QĐ-UBND | 19/01/2018 | Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 29/01/2018 | Cần xử lý sau rà soát |
| 43 | Quyết định | 12/2018/QĐ-UBND | 20/6/2018 | Ban hành Quy định đầu nối và hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk | 30/6/2018 | |
| 44 | Quyết định | 17/2018/QĐ-UBND | 19/7/2018 | Ban hành Quy định tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 28/7/2018 | |
| 45 | Quyết định | 22/2018/QĐ-UBND | 12/9/2018 | Ban hành Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/9/2018 | Cần xử lý sau rà soát |
| 46 | Quyết định | 24/2018/QĐ-UBND | 18/9/2018 | Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 28/9/2018 | |
| 47 | Quyết định | 25/2018/QĐ-UBND | 24/9/2018 | Về việc quản lý, xác định chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 04/10/2018 | |
| 48 | Quyết định | 02/2019/QĐ-UBND | 24/01/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 04/02/2019 | |
| 49 | Quyết định | 13/2019/QĐ-UBND | 03/7/2019 | Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 13/7/2019 | |
| 50 | Quyết định | 19/2019/QĐ-UBND | 16/9/2019 | Ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 26/9/2019 | |
| 51 | Quyết định | 28/2017/QĐ-UBND | 19/9/2017 | Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 22/9/2017 | Chuyển từ lĩnh vực tài chính sang theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 9 Quyết định 26/2019/QĐ-UBND |
| 52 | Quyết định | 21/2019/QĐ-UBND | 28/10/2019 | Điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong các Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị do UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 07/11/2019 | |

| | | | | | | |
|----------------------|------------|------------------|------------|---|------------|---|
| 53 | Quyết định | 07/2020/QĐ-UBND | 20/01/2020 | Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk | 07/02/2020 | |
| 54 | Quyết định | 13/2020/QĐ-UBND | 07/5/2020 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh | 17/5/2020 | |
| 55 | Quyết định | 20/2020/QĐ-UBND | 16/6/2020 | Ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 30/6/2020 | |
| 56 | Quyết định | 26/2020/QĐ-UBND | 20/8/2020 | Ban hành Quy định giá thuê nhà ở công vụ, nhà ở xã hội, nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 01/9/2020 | |
| 57 | Quyết định | 33/2020/QĐ-UBND | 06/11/2020 | Về việc ngưng một phần hiệu lực thi hành của Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh | 06/11/2020 | |
| 58 | Quyết định | 37/2020/QĐ-UBND | 08/12/2020 | Ban hành các định mức dự toán đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 18/12/2020 | |
| 59 | Nghị quyết | 09/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh | 21/12/2020 | |
| Lĩnh vực Y tế | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 40/2006/NQ-HĐND | 11/10/2006 | Quy định một số chế độ chính sách đối với công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình | 21/10/2006 | |
| 02 | Nghị quyết | 11/2009/NQ-HĐND | 10/7/2009 | Về việc điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | 20/7/2009 | |
| 03 | Quyết định | 44/2014/QĐ-UBND | 22/12/2014 | Về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chi phí khám bệnh, chữa bệnh từ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2015 | |
| 04 | Nghị quyết | 159/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Bãi bỏ Nghị quyết số 82/2012/NQ-HĐND ngày 21/12/2012 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về quy định mức thu một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trực thuộc tỉnh | 01/9/2015 | |
| 05 | Nghị quyết | 179/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Về hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế còn lại cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | 13/12/2015 | Được kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2021 bởi Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND |
| 06 | Nghị quyết | 32/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Về việc quy định giá các dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 25/10/2017 | |
| 07 | Nghị quyết | 06/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2020 | |
| 08 | Nghị quyết | 11/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm Y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh | 01/01/2020 | |

| | | | | | | |
|--|------------|-----------------|------------|---|------------|--|
| 09 | Nghị quyết | 12/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Quy định một số chế độ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với viên chức công tác trong lĩnh vực y tế và nhân viên y tế thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2020 | |
| 10 | Quyết định | 17/2020/QĐ-UBND | 20/5/2020 | Quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh | 30/5/2020 | |
| 11 | Nghị quyết | 15/2020/NQ-HĐND | 09/12/2020 | Về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 179/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế còn lại cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | 01/01/2021 | |
| Lĩnh vực khác | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 36/2017/NQ-HĐND | 08/12/2017 | Ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | 01/01/2018 | |
| TỔNG CỘNG: 343 văn bản (104 nghị quyết, 237 quyết định, 02 chỉ thị) | | | | | | |

DANH MỤC**Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ qua rà soát năm 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)***A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ: 79 văn bản (33 nghị quyết, 46 quyết định)**

| TT | TÊN LOẠI | SỐ, KÝ HIỆU | NGÀY BAN HÀNH | TÊN GỌI | LÝ DO HẾT HIỆU LỰC | NGÀY HẾT HIỆU LỰC | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|------------|------------------|---------------|---|--|---------------------|--|
| Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 45/2011/NQ-HĐND | 22/12/2011 | Về chế độ chính sách dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chỉ cho các cấp ngân sách để thực hiện Luật Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Công thương | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 113/2014/NQ-HĐND | 17/7/2014 | Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 02 | Nghị quyết | 154/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Về Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 03 | Quyết định | 67/2015/QĐ-UBND | 18/12/2015 | Ban hành Quy chế quản lý vật liệu nông công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bằng Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND | 10/02/2020 | |
| Lĩnh vực Giáo dục Đào tạo | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 23/2012/QĐ-UBND | 09/7/2012 | Ban hành Quy định mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 02 | Nghị quyết | 94/2013/NQ-HĐND | 19/7/2013 | Về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025 | Một phần nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 126/2014/NQ-HĐND; phần nội dung còn lại hết hiệu lực do hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | Theo Luật Quy hoạch 2017, giai đoạn sau sẽ |

| | | | | | | | |
|------------------------------------|------------|------------------|------------|--|---|---------------------|---|
| 03 | Nghị quyết | 126/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Sửa đổi, bổ sung Quy hoạch mạng lưới giáo dục Đại học tại Điểm d Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, không ban hành Quy hoạch riêng |
| Lĩnh vực Giao thông Vận tải | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 118/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 02 | Nghị quyết | 180/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, thanh lý, bán quyền thu phí sử dụng, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND | 20/7/2020 | |
| Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 35/2006/NQ-HĐND | 11/10/2006 | Về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 02 | Nghị quyết | 137/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 03 | Nghị quyết | 153/2015/NQ-HĐND | 10/7/2015 | Về việc phát triển thủy lợi trong vùng ca phê bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 04 | Nghị quyết | 172/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Quy định phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 05 | Nghị quyết | 176/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Ban hành tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C của tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND | 20/7/2020 | |
| 06 | Nghị quyết | 02/2016/NQ-HĐND | 30/8/2016 | Về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 07 | Nghị quyết | 35/2017/NQ-HĐND | 08/12/2017 | Quy định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 08 | Quyết định | 15/2018/QĐ-UBND | 06/7/2018 | Ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |

| | | | | | | | |
|--|------------|------------------|------------|---|---|---------------------|--|
| 09 | Quyết định | 21/2018/QĐ-UBND | 15/8/2018 | Ban hành Quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 175/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 17/2016/QĐ-UBND | 08/4/2016 | Ban hành Quy định về các khoản đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với học viên tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; chế độ hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng | Một phần nội dung được bãi bỏ bởi Nghị quyết 08/2018/NQ-HĐND, hết hiệu lực theo Quyết định 17/2019/QĐ-UBND; phần nội dung còn lại được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| 02 | Nghị quyết | 14/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 03 | Nghị quyết | 15/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 04 | Nghị quyết | 34/2017/NQ-HĐND | 08/12/2017 | Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Ngoại vụ | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 03/2014/QĐ-UBND | 17/01/2014 | Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| Lĩnh vực Nội vụ | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 22/2014/QĐ-UBND | 14/7/2014 | Ban hành Quy định về tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| 02 | Quyết định | 04/2015/QĐ-UBND | 16/01/2015 | Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị nhà nước về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND | 28/12/2020 | |
| 03 | Quyết định | 23/2014/QĐ-UBND | 14/7/2014 | Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND | 23/01/2021 | |

| | | | | | | | |
|---|------------|------------------|------------|---|---|---------------------|--|
| 04 | Quyết định | 33/2015/QĐ-UBND | 01/10/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy chế tổ chức, tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND | 23/01/2021 | |
| Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 05/2011/QĐ-UBND | 21/01/2011 | Ban hành Quy định về một số khu vực, hình thức, ngư cụ, đối tượng thủy sản cấm khai thác và kích thước tối thiểu của các loài thủy sản được phép khai thác trong các vùng nước tự nhiên trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND | 27/12/2020 | |
| 02 | Quyết định | 37/2012/QĐ-UBND | 19/10/2012 | Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết 19/2020/NQ-HĐND | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 03 | Nghị quyết | 120/2014/NQ-HĐND | 18/7/2014 | Quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 04 | Quyết định | 03/2015/QĐ-UBND | 13/01/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành tại Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết 19/2020/NQ-HĐND | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 05 | Quyết định | 24/2016/QĐ-UBND | 31/5/2016 | Ban hành Quy định một số nội dung hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 06 | Nghị quyết | 01/2016/NQ-HĐND | 30/8/2016 | Về chương trình kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 07 | Quyết định | 14/2017/QĐ-UBND | 23/3/2017 | Về việc ban hành Quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND | 23/4/2020 | |
| 08 | Quyết định | 19/2018/QĐ-UBND | 07/8/2018 | Về việc ban hành Quy định nội dung và định mức hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018-2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Tài chính | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 91/2013/NQ-HĐND | 19/7/2013 | Quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh | Được bãi bỏ tại Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND | 20/7/2020 | |

| | | | | | | | |
|--|------------|------------------|------------|--|---|---------------------|--|
| 02 | Nghị quyết | 138/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Về Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển được đầu tư trực tiếp và cho vay từ nguồn vốn của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 03 | Quyết định | 48/2014/QĐ-UBND | 31/12/2014 | Ban hành quy định tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và quy định đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định 27/2020/QĐ-UBND | 10/9/2020 | |
| 04 | Quyết định | 06/2015/QĐ-UBND | 29/01/2015 | Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, để xác định và điều chỉnh đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định 30/2020/QĐ-UBND | 01/11/2020 | |
| 05 | Nghị quyết | 10/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Ban hành Quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND | 20/7/2020 | |
| 06 | Nghị quyết | 27/2017/NQ-HĐND | 11/10/2017 | Quy định nội dung và một số mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 07 | Quyết định | 03/2018/QĐ-UBND | 30/01/2018 | Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định 31/2020/QĐ-UBND | 01/11/2020 | |
| 08 | Nghị quyết | 12/2018/NQ-HĐND | 06/12/2018 | Quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 09 | Nghị quyết | 10/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND | 20/7/2020 | |
| Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường | | | | | | | |
| 01 | Nghị quyết | 136/2014/NQ-HĐND | 13/12/2014 | Về Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 | Được thay thế bởi Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND | 01/6/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2020 được kéo dài theo Nghị quyết 09/2019/NQ-HĐND |
| 02 | Quyết định | 43/2014/QĐ-UBND | 22/12/2014 | Ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2020 được kéo dài theo Quyết định 28/2019/QĐ-UBND |
| 03 | Quyết định | 03/2016/QĐ-UBND | 13/01/2016 | Ban hành Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND | 05/12/2020 | |

| | | | | | | | |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|------------|--|
| 04 | Nghị quyết | 04/2016/NQ-HĐND | 30/8/2016 | Về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 136/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của HĐND tỉnh về Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 | Được thay thế bởi Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND | 01/6/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2021 được kéo dài theo Nghị quyết 09/2019/NQ-HĐND |
| 05 | Quyết định | 39/2016/QĐ-UBND | 30/11/2016 | Sửa đổi, bổ sung Khoản 10 Điều 3 của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2021 được kéo dài theo Quyết định 28/2019/QĐ-UBND |
| 06 | Quyết định | 05/2018/QĐ-UBND | 26/02/2018 | Bổ sung giá đất ở đô thị của một số tuyến đường vào Mục III, Bảng số 7 của Bảng giá các loại đất trên địa bàn thị xã Buôn Hồ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2021 được kéo dài theo Quyết định 28/2019/QĐ-UBND |
| 07 | Quyết định | 11/2018/QĐ-UBND | 01/06/2018 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND cấp huyện, cấp xã, cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai | Được thay thế bởi Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND | 15/02/2021 | |
| 08 | Quyết định | 20/2018/QĐ-UBND | 14/8/2018 | Bổ sung vào Khoản 1, Điều 2 và Điều 3 của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh | Hết hiệu lực tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2021 được kéo dài theo Quyết định 28/2019/QĐ-UBND |
| 09 | Quyết định | 18/2019/QĐ-UBND | 14/8/2019 | Bổ sung vào khoản 1 Điều 4 quy định bảng giá các loại đất, bổ sung giá đất ở đô thị tại thị xã Buôn Hồ và điều chỉnh tên 1 số tuyến đường trong bảng giá đất ở huyện Krông Năng trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh | Hết hiệu lực tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 | Từ 01/01/2020 đến 01/6/2021 được kéo dài theo Quyết định 28/2019/QĐ-UBND |
| 10 | Nghị quyết | 09/2019/NQ-HĐND | 06/12/2019 | Kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 136/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 và Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của HĐND tỉnh | Hết hiệu lực tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND | 01/6/2020 | |
| 11 | Quyết định | 28/2019/QĐ-UBND | 20/12/2019 | Về việc kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung có liên quan của UBND tỉnh | Hết hiệu lực tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND | 13/7/2020 | |

Lĩnh vực Thông tin truyền thông

| | | | | | | | |
|--|------------|------------------|------------|---|---|---------------------|--|
| 01 | Nghị quyết | 181/2015/NQ-HĐND | 03/12/2015 | Về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Tư pháp | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 02/2011/QĐ-UBND | 14/01/2011 | Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| 02 | Quyết định | 27/2012/QĐ-UBND | 20/7/2012 | Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND | 13/01/2020 | |
| 03 | Quyết định | 37/2014/QĐ-UBND | 27/10/2014 | Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài | Được thay thế bởi Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND | 21/03/2021 | |
| Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 39/2006/QĐ-UBND | 15/8/2006 | Về việc giao trách nhiệm và ủy quyền trong công tác đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| 02 | Nghị quyết | 59/2012/NQ-HĐND | 06/7/2012 | Về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 03 | Quyết định | 32/2012/QĐ-UBND | 04/9/2012 | Về việc quy định một số chế độ cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND | 17/01/2020 | |
| 04 | Quyết định | 32/2014/QĐ-UBND | 25/9/2014 | Về việc sửa đổi, bổ sung Phần A Quy định mức khen thưởng và một số chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thi đấu các giải thể thao, ban hành kèm theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND | 17/01/2020 | |
| 05 | Nghị quyết | 06/2016/NQ-HĐND | 30/8/2016 | Về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| 06 | Nghị quyết | 16/2016/NQ-HĐND | 14/12/2016 | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 59/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 | Hết thời hạn hiệu lực quy định tại văn bản | Hết ngày 31/12/2020 | |
| Lĩnh vực Văn phòng | | | | | | | |
| 01 | Quyết định | 14/2014/QĐ-UBND | 03/6/2014 | Ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND | 09/5/2020 | |
| 02 | Quyết định | 42/2014/QĐ-UBND | 20/11/2014 | Ban hành Quy chế hoạt động của cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND | 09/5/2020 | |
| 03 | Quyết định | 48/2015/QĐ-UBND | 16/12/2015 | Ban hành Quy định về việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND | 08/12/2020 | |

| Lĩnh vực Xây dựng | | | | | | | |
|-------------------|------------|-----------------|------------|--|--|------------|--|
| 01 | Quyết định | 35/2007/QĐ-UBND | 05/9/2007 | Về việc ban hành "Định mức dự toán công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột" | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |
| 02 | Quyết định | 06/2008/QĐ-UBND | 19/02/2008 | Về việc ban hành Định mức dự toán dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |
| 03 | Quyết định | 35/2009/QĐ-UBND | 18/12/2009 | Về việc công bố định mức dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |
| 04 | Quyết định | 07/2012/QĐ-UBND | 21/3/2012 | Ban hành khung giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | Được thay thế bởi Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND | 30/6/2020 | |
| 05 | Quyết định | 44/2012/QĐ-UBND | 21/11/2012 | Ban hành Quy định về cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Phần nội dung còn hiệu lực được bãi bỏ tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| 06 | Quyết định | 30/2014/QĐ-UBND | 29/8/2014 | Ban hành định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung (xi măng cốt liệu 04 lỗ, 80x80x180mm) trong xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |
| 07 | Quyết định | 31/2014/QĐ-UBND | 08/9/2014 | Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở công vụ; nhà ở xã hội; nhà ở sinh viên; nhà ở cũ chưa được cải tạo, xây dựng lại; nhà cho thuê kinh doanh, dịch vụ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND | 01/9/2020 | |
| 08 | Quyết định | 17/2015/QĐ-UBND | 17/7/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức dự toán xây dựng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |
| 09 | Quyết định | 18/2015/QĐ-UBND | 17/7/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức dự toán xây dựng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |
| 10 | Quyết định | 19/2015/QĐ-UBND | 17/7/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức dự toán xây dựng dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 19/02/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND | 18/12/2020 | |

B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: 0